BAN QUẢN LÝ CÁC KCX VÀ CN TP. HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# BẢNG ĐIỂM

## Lớp : C13TC3 - Khóa : C13_11

Môn thi : Kế toán tài chính Thi lần thứ: 2 Giám thị 1: N. Trung [signature]

Học kỳ: 2 Năm học: 2012 - 2013 Ngày thi: 5/8/2013 Giám thị 2: H. Thái [signature]

Cán bộ giảng dạy : Phòng thi: A1.12 Giám thị 3: V. Quốc

Tổng số bài: 08 Số tờ: 08+01 =09 Giám thị 4:

| STT | MSSV | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | KÝ TÊN | Điểm học phần | | KẾT QUẢ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Kiểm tra TS: 30% | Thi TS: 70% | | |
| 1 | 1110140236 | Trần Thị Hoài | Phương | 10/07/1993 | Phương | 7 | 7 | 7 | Bảy |
| 2 | 1110140240 | Lê Phương | Thảo | 11/05/1993 | [signature] | 10 | 8 | 8.6 | Tám phảy sáu |
| 3 | 1110140241 | Hà Thu | Thảo | 08/01/1993 | [signature] | 8 | 7 | 7.3 | Bảy chấm ba |
| 4 | 1110140262 | Lê Thị Hồng | Thoa | 20/05/1993 | [signature] | 8 | 6 | 6.6 | Sáu sáu |
| 5 | 1110140263 | Huỳnh Thị Viển | Thông | 09/07/1993 | [signature] | 6 | 4 | 4.6 | Bốn, sáu |
| 6 | 1110140267 | Đinh Phước | Thịnh | 11/08/1993 | [signature] | 5 | 4 | 4.3 | Bốn, ba |
| 7 | 1110140283 | Lê Sĩ | Tín | 04/01/1993 | [signature] | 9 | 7 | 7.6 | Bảy, sáu |
| 8 | 1110140292 | Nguyễn Thị Mỹ | Trang | 07/07/1992 | Trang | 6 | 6 | 6 | Sáu |
| ~~9~~ | ~~1110140344~~ | ~~Nguyễn Ngọc Tường~~ | ~~Vy~~ | ~~27/03/1993~~ | 5 | | | | |

| STT | MSSV | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | KÝ TÊN | Điểm học phần | | KẾT QUẢ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Kiểm tra TS: 30% | Thi TS: 70% | | |
| 1 | 1110140244 | Nguyễn Trần Ngọc | Thảo | 19/09/1993 | Thảo | 6 | 7 | 6.7 | Sáu bảy |
| 2 | 1110140265 | Nguyễn Quốc | Thông | 02/08/1993 | [signature] | 9 | 8 | 8.3 | Tám ba |
| 3 | 1110140269 | Trương Hoài | Thương | 02/04/1993 | Thương | 9 | 6 | 6.9 | Sáu chín |
| 4 | 1110140307 | Đỗ Thị Tuyết | Trinh | 26/08/1993 | [signature] | 10 | 7 | 7.9 | Bảy chín |
| 5 | 1110140318 | Trương Minh | Tuấn | 24/12/1993 | [signature] | 9 | 8 | 8.3 | Tám ba |
| 6 | 1110140322 | Nguyễn Thị Thanh | Tuyền | 16/12/1992 | [signature] | 7 | 4 | 4.9 | Bốn chín |
| 7 | 1110140344 | Nguyễn Ngọc Tường | Vy | 27/03/1993 | [signature] | 5 | 4 | 4.3 | Bốn ba |

| STT | MSSV | HỌ VÀ TÊN | | NGÀY SINH | KÝ TÊN | Điểm học phần | | KẾT QUẢ | GHI CHÚ |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | Kiểm tra TS: 30% | Thi TS: 70% | | |
| 1 | 1110140257 | Nguyễn Thị Mỹ | Thơ | 12/05/1993 | Thơ | 8 | 5 | 5.9 | Năm chín |

Ngày 09 tháng 08 năm 2013

**CHỦ NHIỆM BỘ MÔN (KHOA)**
*(Ký và ghi rõ họ tên)*
Trưởng Khoa
[signature] (12/8/2013)
Trần Thị Kim Anh

**CÁN BỘ CHẤM THI**
*(Ký và ghi rõ họ tên)*
[signature]
Lê Thị Hồng Loan.